

Biên Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Số: 1595/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2525/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/11/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Bùi Thị Ánh N**, sinh năm 1992.

- Anh **Trần Đức H**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: D245, tổ 6, khu phố 4, phường L, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy Chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2014 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N và anh H xác định, trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đã nhiều lần nói chuyện và nhờ gia đình hai bên can thiệp để hàn gắn nhưng không được. Từ đầu năm 2019 đến nay, anh chị quyết định sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N và anh H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị N và anh H xác định, vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Ngọc Thanh H1, sinh ngày 02/10/2014 và cháu Trần Ngọc Thanh H2, sinh ngày 02/01/2017. Khi ly hôn, Chị N và anh H thỏa thuận giao cháu H1 và cháu H2 cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H thống nhất: anh Trần Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[5] Về lệ phí: Chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007487 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của chị Ngọc, anh H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị Ánh N, sinh năm 1992 và anh Trần Đức H, sinh năm 1991.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H giao cháu Trần Ngọc Thanh H1, sinh ngày 02/10/2014 và cháu Trần Ngọc Thanh H2, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Bùi Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh Trần Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu

năm trăm nghìn đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh H (không trực tiếp nuôi con) vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Ánh N và anh Trần Đức H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007487 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Ngọc, anh H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám